

Khung chương trình đào tạo Công nghệ vi mạch bán dẫn

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
I	Khôi học phần cốt lõi		
1	ICT1.001	Tin học cơ sở	3
2	MAT1.002	Đại số tuyến tính	4
3	MAT1.001	Giải tích 1	4
4	PHY1.001	Vật lý đại cương 1	4
5	ICT1.002	Lập trình căn bản	4
6	PHY1.002	Vật lý đại cương 2	4
7	ICT1.004	Nhập môn giải thuật	3
8	ICT1.003	Kiến trúc máy tính	3
9	MAT1.003	Giải tích 2	3
10	MAT1.005	Phương pháp tính	4
11	PHY1.003	Điện từ trường	4
12	PHY1.004	Thực hành Vật lý	2
13	SIC2.301	Toán cho vật lý	3
14	SIC2.208	Lý thuyết chất rắn	3
15	ATE2.006	Kỹ thuật điện	3
16	AMS2.210	Cơ học thống kê	4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
17	SIC2.201	Điện tử tương tự	3
18	SIC2.202	Điện tử số	3
19	SIC2.205	Thiết bị điện tử	3
20	SIC2.102	Vi xử lý và vi điều khiển	3
21	AMS2.208	Bán dẫn	3
22	SIC2.112	Cảm biến và công nghệ đo lường	3
23	SIC2.302	Hệ thống nhúng	4
24	SIC2.203	Thực hành điện tử 1	2
25	SIC2.204	Thực hành điện tử 2	3
26	SIC2.113	Nhập môn kỹ thuật vi điện tử và công nghệ nano	3
27	MST2.011	Tín hiệu và hệ thống	3
28	AMS2.306	Phương pháp chế tạo vật liệu micro/nano	3
29	SIC3.506	Thực hành vi xử lý và vi điều khiển	3
30	SIC3.114	Xử lý tín hiệu số	3
31	SIC3.508	Công nghệ chế tạo bán dẫn	3
32	SIC3.999	Thực tập tốt nghiệp	15
33	SIC2.402	Tin học ghép nối	3
34	FR2.001	Tiếng Pháp 2.1	4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
35	FR2.002	Tiếng Pháp 2.2	4
II	Khối học phần tự chọn 1		
36	SIC3.104	Thiết kế mạch tích hợp tương tự	3
37	SIC3.202	Thiết kế mạch tích hợp số	3
38	SIC3.512	Thực hành phòng sạch	3
39	SIC3.601	Mạng truyền thông công nghiệp và Internet vạn vật	3
40	SIC3.510	Thiết kế số nâng cao và thiết kế dựa trên FPGA	3
41	SIC3.511	Công nghệ màng mỏng	3
42	SIC3.513	Vật liệu tiên tiến và các thiết bị MEMS	3
43	SIC3.514	Công nghệ chân không	3
44	SIC3.515	Công cụ hiện đại để kiểm soát chất lượng	3
45	SIC3.507	Thực hành khảo sát, đo đặc bán dẫn	3
46	SIC3.516	Cơ sở đóng gói vi điện tử	3
47	SIC3.517	Xây dựng quy trình kiểm tra	3
48	AMS3.307	Kỹ thuật phân tích vật liệu 1	3
49	AMS3.310	Kỹ thuật phân tích vật liệu 2	3
50	SIC3.990	Dự án nhóm	6
51	AMS2.205	Vật lý chất rắn	3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
52	AMS3.009	Vật lý Plasma và ứng dụng	3
53	ICT2.003	Lập trình hướng đối tượng	3
54	AMS3.006	Vật liệu cho chuyển hóa và tích trữ năng lượng	3
55	AMS3.209	Quang điện tử và quang tử nano	3
56	SIC3.600	Lập trình ứng dụng	3
57	SIC2.111	Mô phỏng thiết bị điện tử	3
58	AMS3.005	Quang tử Silic	3
59	SIC3.509	Điện tử trường trong vi điện tử	3
60	SIC3.510	Bộ nhớ non-volatile	3
61	CHE1.001	Hóa đại cương 1	4
62	CHE1.002	Hóa đại cương 2	4
63	PHI1.001	Triết học	3
III	Khối học phần tự chọn 2		
IV	Học phần điều kiện		
1	QP1.001	An ninh quốc phòng	0